

Hiện thực hóa cộng đồng ASEAN 2015: Thuận lợi và trở ngại

Hoàng Thị Thanh Nhân*, Võ Xuân Vinh

*Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam,
Số 1, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 24 tháng 10 năm 2013

Chỉnh sửa ngày 04 tháng 12 năm 2013; chấp nhận đăng ngày 23 tháng 12 năm 2013

Tóm tắt: Năm 2003, tại Bali, Indonesia, lãnh đạo các nước thành viên ASEAN đã quyết định hiện thực hóa Cộng đồng ASEAN (AC) vào năm 2020 với ba trụ cột là Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC), Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) và Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN (ASCC)⁽¹⁾. Tuy nhiên, nhận thấy tầm quan trọng của tự do hóa với phát triển, tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 12 năm 2007, các nhà lãnh đạo quốc gia thành viên đã quyết định rút ngắn thời gian hiện thực hóa AC với thời hạn chốt là vào năm 2015. Thuận lợi đối với tiến trình xây dựng AC đến từ việc các nước thành viên ASEAN ngày càng có được tiếng nói chung trong các vấn đề an ninh, chính trị nhạy cảm như vấn đề Biển Đông, vấn đề dân chủ - nhân quyền hay nhận được sự ủng hộ của các nước lớn cũng như các thể chế quốc tế quan trọng. Trên lĩnh vực kinh tế, những thành quả đáng ghi nhận của hội nhập kinh tế nội khối cùng sự thành công trong liên kết kinh tế với bên ngoài chính là những nền tảng thuận lợi cho việc xây dựng AC. Bên cạnh đó, tiến trình hiện thực hóa AC gặp không ít trở ngại, bao gồm sự suy giảm lòng tin nhất định giữa một số nước thành viên bắt nguồn từ những tính toán lợi ích quốc gia khác nhau, sự chênh lệch trong phát triển kinh tế giữa các nước thành viên, giáo dục chất lượng thấp và không đồng đều, tình trạng đói nghèo phổ biến cùng ảnh hưởng lớn của các nước lớn trong nhiều lĩnh vực, nhất là kinh tế và chính trị - an ninh.

Từ khóa: Cộng đồng ASEAN, hội nhập khu vực, Đông Nam Á.

1. Thuận lợi trong quá trình hiện thực hóa ASEAN

1.1. Đối với APSC và ASCC

Thứ nhất, ASEAN đã có các cơ chế mang tính ràng buộc hơn làm nền tảng cho các bên

liên quan trong việc thực hiện các cam kết APSC, đồng thời cuộc cải cách ở Myanmar cũng mang lại những thuận lợi nhất định cho Hiệp hội. APSC chứa đựng các vấn đề gai góc nhất và nhạy cảm nhất liên quan đến các vấn đề an ninh (trong đó có tranh chấp chủ quyền quốc gia) và dân chủ - nhân quyền. Là một trong những vấn đề nhạy cảm hàng đầu hiện nay, việc hợp tác thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền trong ASEAN đã đạt được bước tiến quan trọng khi Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 42 (tháng 7/2009) tại Phuket, Thái Lan đã phê chuẩn Điều khoản tham chiếu (TOR) của Ủy ban liên chính phủ ASEAN về nhân quyền

* Tác giả liên hệ. ĐT: 84-912040614

Email: nhanth_ijwep@yahoo.com

⁽¹⁾ Về ba trụ cột của AC, xem thêm Hiệp hội Các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Công thông tin điện tử Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, <http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/NuocCHXHCNVietNam/ChiTietVeToChucQuocTe?diplomacyOrgId=124>.

(AICHR). Kết quả là, chỉ 3 tháng sau, AICHR chính thức được thành lập (tháng 10/2009). Liên quan đến các vấn đề nhạy cảm, “sự chậm chạp trong việc cải thiện nhân quyền, dân chủ và hòa hợp dân tộc” ở Myanmar bị coi là “một trong những thất bại lớn nhất của APSC”⁽²⁾. Khi giới quân sự chuyển giao quyền lực cho chính phủ dân sự vào tháng 3/2011, đặc biệt sau cuộc bầu cử quốc hội bổ sung với thắng lợi vang dội của Mặt trận Quốc gia vì dân chủ (NDL) do Aung San Suu Kyi đứng đầu vào ngày 1/4/2011, nhiều vướng mắc trong việc hiện thực hóa APSC đã được gỡ bỏ. Sự chuyển đổi này khiến Myanmar có trách nhiệm hơn trong việc thực hiện các cam kết liên quan đến dân chủ và nhân quyền trong APSC. Bên cạnh đó, các nước ASEAN sẽ bớt đi một nhân tố gây bất hòa khi bàn đến dân chủ và nhân quyền, theo đó, ASEAN nhận được nhiều ủng hộ hiệu quả hơn từ Mỹ và phương Tây trong hiện thực hóa APSC nói riêng và AC nói chung khi nút thắt Myanmar được tháo gỡ.

Thứ hai, các nước thành viên ASEAN đang dần có tiếng nói chung trong một số vấn đề nhạy cảm, đặc biệt là vấn đề tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông. Trước những đòi hỏi vô lý và hành động ngày càng ngang ngược của Trung Quốc ở Biển Đông, nhiều nước thành viên ASEAN dù không có tuyên bố chủ quyền trên vùng biển này vẫn lên tiếng bày tỏ quan điểm. Ngoài Indonesia và Singapore là hai nước hoặc lên tiếng phản đối đường lưỡi bò (Indonesia) hoặc đòi Trung Quốc chứng minh yêu sách (Singapore⁽³⁾), ngoại trừ Myanmar, các nước như Campuchia và Lào⁽⁴⁾ cũng ít nhiều lên tiếng về vấn đề này. Thái Lan cũng đã đệ trình

một bản dự thảo Bộ quy tắc ứng xử trên Biển Đông (COC) trong đó ủng hộ phương cách đàm phán đa phương trong tranh chấp Biển Đông. Liên quan đến việc soạn thảo COC, tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 20 tại Phnom Penh, Campuchia, bộ trưởng ngoại giao các nước thành viên ASEAN đã nhất trí cùng nhau thảo luận và soạn thảo COC trước khi đàm phán với Trung Quốc. Trên thực tế, mặc dù Trung Quốc ra sức ngăn cản nhưng đầu tháng 04/2012, các nước ASEAN đã họp thảo luận về COC (cuộc họp kết thúc vào ngày 04/04/2012)⁽⁵⁾. Ngày 25/05/2012, các quan chức cấp cao ASEAN họp tại Campuchia đã thống nhất được các “yếu tố chính” của Bộ quy tắc ứng xử ở Biển Đông.

Thứ ba, sự ủng hộ của hầu hết các nước lớn và cộng đồng quốc tế (trong đó có Liên Hợp Quốc - LHQ) trước nỗ lực xây dựng AC. Cho đến năm 2012, LHQ và ASEAN đã 4 lần tổ chức hội nghị cấp cao. Tại Hội nghị lần thứ 4 tại Bali, Indonesia tháng 11/2011, hai bên đã ra Tuyên bố chung về đối tác toàn diện, khẳng định việc thiết lập quan hệ đối tác toàn diện “là nhằm hỗ trợ các nỗ lực của ASEAN trong việc xây dựng AC và đạt được các mục tiêu thiên niên kỷ”⁽⁶⁾. LHQ ủng hộ ASEAN trong các nỗ lực đảm bảo hòa bình và an ninh, thúc đẩy dân chủ và nhân quyền (ủng hộ các cơ chế như Diễn đàn dân chủ Bali, AICHR, Ủy ban ASEAN về tăng cường và bảo vệ quyền của Phụ nữ và trẻ em - ACWC...), đối thoại và cùng phối hợp giải quyết các vấn đề khu vực và quốc tế cùng quan tâm⁽⁷⁾. Tuyên bố chung Đối tác chiến lược toàn diện ASEAN-LHQ

⁽²⁾ L. Cuyvers và R. Tummers, “The road to an ASEAN Community: How far still to go?”, *CAS Discussion paper*, No 57, December 2007, p.18.

⁽³⁾ “MFA Spokesman’s Comments in responses to media queries on the visit of Chinese maritime surveillance vessel Haixun 31 to Singapore”, 20/06/2011, <http://www.mfa.gov.sg/>

⁽⁴⁾ “VN-Laos relationship an invaluable treasure”, 22/06/2011, <http://en.vietnamplus.vn/Home/VNLaos-relationship-an-invaluable-treasure/20116/19146.vnplus>

⁽⁵⁾ “China warns India again on South China Sea”, *IBN Live*, Apr 05, 2012, <http://ibnlive.in.com/news/china-warns-india-again-on-south-china-sea/245908-3.html>

⁽⁶⁾ “Joint Declaration on Comprehensive Partnership Between the Association of Southeast Asian Nations (ASEAN) and the United Nations (UN)”, <http://www.asean.org/documents/19th%20summit/UN-JD.pdf>.

⁽⁷⁾ Tài liệu đã dẫn.

2011 đã xác định các nội dung hợp tác, đặc biệt là sự hỗ trợ của tổ chức này đối với ASEAN trong việc thực hiện các cam kết trong Kế hoạch chi tiết ASCC (trên các nội dung như phát triển con người và xây dựng cộng đồng; phúc lợi xã hội và các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa; thay đổi khí hậu; quản lý nguy cơ thảm họa; văn hóa và giáo dục).

Trong chính sách xoay trục về châu Á, Mỹ coi ASEAN là đối tác ưu tiên hàng đầu bởi vai trò quan trọng của châu Á nói chung và ASEAN nói riêng đối với sự thịnh vượng của Mỹ và ổn định khu vực. Mỹ “ủng hộ việc hiện thực hóa một AC tôn trọng các quy định của luật pháp, các nguyên tắc dân chủ, tăng cường và bảo vệ nhân quyền, tôn trọng quyền tự do cơ bản gắn với các quyền và trách nhiệm của các nước thành viên ASEAN,... tăng cường hợp tác với AICHR...”⁽⁸⁾.

Về phần mình, mặc dù còn nhiều bất đồng với ASEAN, đặc biệt là vấn đề tranh chấp Biển Đông nhưng Trung Quốc vẫn “sẽ ủng hộ và hợp tác chặt chẽ với ASEAN trong việc hiện thực hóa AC vào năm 2015, bao gồm ba trụ cột là APSC, AEC và ASCC”⁽⁹⁾. Tự nhận thấy mình là một phần không thể tách rời của khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói chung và Đông Nam Á nói riêng, Ấn Độ đã từng bước can dự vào Đông Nam Á và trở thành một bên của cơ chế ASEAN+1 vào năm 2002⁽¹⁰⁾. Năm 2010, Ấn Độ và ASEAN đã thông qua Kế hoạch hành động thực hiện Quan hệ đối tác ASEAN - Ấn Độ vì hòa bình, tiến bộ và thịnh vượng cùng chia sẻ (2010-2015) “với quan điểm ủng hộ các nỗ lực xây dựng cộng đồng và hội nhập của

ASEAN và làm sâu sắc hơn quan hệ đối tác đối thoại ASEAN - Ấn Độ”⁽¹¹⁾. Đối với trụ cột APSC, Ấn Độ cam kết hợp tác với ASEAN trong khuôn khổ của ARF, ADMM+, hỗ trợ thực hiện SEANWFZ, Hiệp ước ASEAN về chống khủng bố (2007) và Kế hoạch hành động toàn diện ASEAN về chống khủng bố (2009)...⁽¹²⁾

Chương trình nghị sự Phnom Penh năm 2012 tiếp tục nhấn mạnh “tăng cường hợp tác trong việc thực hiện Kế hoạch chi tiết ASCC nhằm hiện thực hóa Cộng đồng ASEAN vào năm 2015”⁽¹³⁾. Theo đó, một loạt kế hoạch đã được đề ra: một ASEAN không có ma túy vào năm 2015; tổ chức Hội nghị các bộ trưởng đặc biệt về hợp tác trong các vấn đề ma túy vào năm 2012; kế hoạch tổ chức hội thảo có sự tham gia của nhiều chủ thể trong khu vực vào năm 2012 để tạo nền tảng cho các cơ chế chuyên trách của ASEAN trong việc chia sẻ thông tin và kinh nghiệm liên quan đến thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ với trọng tâm là đạt các mục tiêu, viễn cảnh và ưu tiên sau năm 2015; tổ chức Hội nghị Bộ trưởng về phụ nữ (AMMW) lần thứ nhất vào tháng 10/2012; thực hiện Kế hoạch công tác 2012-2016 của Ủy ban ASEAN về tăng cường và bảo vệ các quyền của phụ nữ và trẻ em (ACWC)...

1.2. Đối với AEC

Thứ nhất, nền tảng cho AEC dựa trên thành quả hiện thực hóa cam kết đáng ghi nhận. Về thương mại, đến tháng 1/2010, có tới 99% tổng số dòng thuế được xóa bỏ trong thương mại nội khối theo tinh thần AFTA, ASEAN-4 mới gia nhập (Campuchia, Lào, Myanmar, Việt Nam -

⁽⁸⁾ Joint Statement of the 3rd ASEAN-US Leaders' Meeting, Bali, 18 November 2011.

⁽⁹⁾ Joint Statement of the 14th ASEAN-China Summit to Commemorate the 20th Anniversary of Dialogue Relations: Further Advancing the Strategic Partnership for Peace and Prosperity, Bali, Indonesia, 18 November 2011, <http://www.asean.org/26739.htm>.

⁽¹⁰⁾ Sudhir Devare, *India & Southeast Asia: Towards Security Convergence*, ISEAS, Singapore, 2006, p.15.

⁽¹¹⁾ *Plan of Action To Implement the ASEAN-India Partnership for Peace, Progress and Shared Prosperity (2010-2015)*, <http://www.asean.org/25551.htm>.

⁽¹²⁾ Tài liệu đã dẫn.

⁽¹³⁾ Phnom Penh Agenda for ASEAN Community Building.

CLMV) giảm thuế xuống mức 0-5% đối với trên 98% số dòng thuế. Mức thuế quan trung bình nội khối đã giảm xuống còn 0,9% trong năm 2009 so với mức 4,4% năm 2000. Cơ chế một cửa ASEAN (ASW) hoàn toàn được thực hiện trong ASEAN trước cuối năm 2012. Theo thống kê của Ban Thư ký ASEAN, tính đến ngày 1/1/2010, 91 trong tổng số 124 văn kiện pháp lý của AEC đã có hiệu lực, tương đương 73% các văn kiện pháp lý liên quan tới việc thực hiện AEC. Hiệp hội đã thực hiện Chương trình thuận lợi hóa thương mại, đầu tư và dịch vụ, bên cạnh Kế hoạch tổng thể về kết nối ASEAN đang được xây dựng nhằm hỗ trợ đặc biệt cho các nỗ lực liên kết kinh tế ASEAN sâu rộng hơn, hướng đến mục tiêu kết nối hạ tầng giao thông, viễn thông, công nghệ thông tin, thể chế và giao lưu của người dân ASEAN...

Về thương mại dịch vụ, đến năm 2010, 9 nước thành viên, trừ Philippines đã hoàn thành gói thứ 7 về cam kết dịch vụ theo Hiệp định khung về Thương mại dịch vụ (AFAS) bao trùm 65 phân ngành dịch vụ. Kết quả tích cực gần đây nhất là các nước thành viên ASEAN đã quyết định kết nối đường vận tải hàng không (ngày 15/12/2011) tại Campuchia. Hiệp định đa biên ASEAN về tự do hóa hoàn toàn dịch vụ vận chuyển hành khách đường không (MAFLPAS) được ký kết nhằm thúc đẩy hơn nữa tự do hóa vận tải hàng không. Theo đó, việc thống nhất các tiêu chuẩn và thực tiễn về an toàn, an ninh hàng không, hài hòa hóa quản lý hoạt động hỗ trợ cho Khung thực hiện Thị trường hàng không thống nhất ASEAN (ASAM) được đảm bảo, vì mục tiêu thị trường hàng không thống nhất nội khối. Bên cạnh đó, các nước thành viên tiến hành nghiên cứu quy hoạch tổng thể và nghiên cứu khả thi về thiết lập một mạng lưới vận tải biển chuyên chở hàng Ro-Ro (hàng hóa và thiết bị có bánh lăn), vận tải đường biển trong khối ASEAN nhằm kết nối đất liền với các vùng quần đảo để cung cấp dịch vụ vận tải đa phương tiện. Chiến lược triển khai Thị trường vận tải biển chung

ASEAN cũng đang được Nhóm công tác hàng hải xúc tiến nghiên cứu.

Về đầu tư, 2010 là năm có nhiều dấu mốc trong chặng đường thực hiện mục tiêu AEC. Việc thực hiện các cam kết tự do hóa đối với 12 lĩnh vực ưu tiên hội nhập của ASEAN là dệt may, cao su, giày dép, công nghiệp chế tạo ô tô, nông nghiệp, thủy sản, công nghệ thông tin, du lịch... đang đi vào giai đoạn cuối. Hiệp định về thương mại hàng hóa mới của ASEAN thay thế cho Hiệp định CEPT/AFTA trước đây có hiệu lực từ ngày 1/5/2010 đã kịp thời khắc phục những hạn chế pháp lý và mở ra cơ hội hợp tác chặt chẽ hơn nữa để thúc đẩy các chương trình thuận lợi hóa thương mại. Các luồng di chuyển vốn, dịch vụ được cởi mở thông thoáng trên định hướng của AEC. Trong hợp tác đầu tư, ASEAN đạt mức FDI nội khối với 9,449 tỷ USD, chiếm 20,1% tổng lượng FDI vào năm 2008 (47,07 tỷ USD). Tuy nhiên, FDI nội khối giảm sút rõ rệt do tác động xấu của khủng hoảng tài chính toàn cầu và suy giảm kinh tế thế giới với 5,270 tỷ USD, chiếm 13,8% tổng FDI vào năm 2009 (38,266 tỷ USD). Tính chung cả giai đoạn 2008-2010, FDI nội khối chỉ đạt 26,999.3 tỷ USD, tương đương với 16,7% tổng FDI vào ASEAN (161,549 tỷ USD). Tính đến tháng 8/2012, các thành viên ASEAN đã đạt gần 78% hạng mục trong kế hoạch tổng thể Cộng đồng kinh tế so với 73% cùng kỳ năm trước. Đồng thời, các nước ASEAN đã nhất trí đầu tư tới 60 tỷ USD vào xây dựng các hạng mục hạ tầng thông tin liên lạc, nghiên cứu khoa học công nghệ, đào tạo và khai thác nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng kết nối các thành viên.

Thứ hai, thành công liên kết kinh tế của ASEAN với các đối tác bên ngoài (thông qua các thỏa thuận thương mại tự do) cũng tạo nền tảng và động lực quan trọng cho việc hướng đến AEC. Là tâm điểm giao thoa của các thỏa thuận thương mại song phương và đa phương khác mà ASEAN đang triển khai hoặc tham gia đàm phán dưới hình thức thương mại tự do

2+X, ASEAN+1, ASEAN+3 hoặc ASEAN+6, ASEAN đã ký kết hiệp định thương mại tự do (FTA) với Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ, Australia, New Zealand và tất cả các FTA này đều đã có hiệu lực. ASEAN hiện đang đàm phán FTA với Liên minh châu Âu (EU). Từ tháng 2/2012, ASEAN xúc tiến định hình Thỏa thuận đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) mà khung khổ của nó đã được thông qua từ tháng 11/2011. RCEP bao trùm ASEAN+6 (gồm 6 đối tác ký FTA kể trên). Hiện tại, một số nước thành viên ASEAN đang gấp rút kết thúc đàm phán với các đối tác để gia nhập Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP) vốn được coi là rất triển vọng đối với sự phát triển kinh tế ở mỗi thành viên. Đối với ASEAN, ngay từ khi mới ra đời, việc giữ vai trò trung gian và cân bằng lợi ích giữa các nước lớn trong và ngoài khu vực Đông Á luôn là vấn đề thường trực. Do đó, thương lượng và ký kết hàng loạt hiệp định thương mại tự do đa tầng và đan chéo nhau hầu như không thể tránh khỏi.

Tóm lại, cho đến năm 2012, những nỗ lực của các thành viên trong quá trình xây dựng ba cộng đồng, đặc biệt là APSC và AEC, rất đáng ghi nhận. Một ASEAN quy tụ những cơ chế ràng buộc hơn kết hợp với một ASEAN dần dần đi đến thị trường liên thông và kết nối đảm bảo căn bản cho quá trình hội nhập khu vực. Bên cạnh đó, ASCC đang được phối hợp thực hiện các mục tiêu cơ bản bởi tất cả các thành viên nhằm đảm bảo môi trường phát triển ổn định, thịnh vượng và hòa bình bền vững. Đó là những thuận lợi quan trọng đưa tất cả các thành viên đến Cộng đồng ASEAN.

2. Trở ngại trong quá trình hiện thực hóa ASEAN

Bên cạnh những thuận lợi, việc hiện thực hóa AC cũng đang phải đối mặt với những khó khăn không nhỏ.

Về chính trị, việc ngăn ngừa xung đột và xây dựng lòng tin trong ASEAN đang gặp nhiều trở ngại. Mặc dù COC được coi là văn kiện quan trọng nhưng những diễn biến căng thẳng do Trung Quốc gây ra cho thấy COC cần phải được hiện thực hóa nhằm giải quyết hiệu quả căng thẳng và xung đột trên biển. Trong khi giữa các nước thành viên ASEAN và Trung Quốc cam kết tập thể thúc đẩy hòa bình, ổn định, tin tưởng lẫn nhau và bảo đảm giải quyết hòa bình tranh chấp ở Biển Đông⁽¹⁴⁾, Trung Quốc vẫn ra lệnh cấm đánh bắt cá đơn phương, vẫn thăm dò và khai thác năng lượng trên vùng biển tranh chấp, tuyên bố Trung Quốc có lợi ích cốt lõi ở Biển Đông⁽¹⁵⁾, mời thầu các lô dầu khí trong khu vực kinh tế đặc quyền của Việt Nam... Chính Trung Quốc đang quay lưng lại với các cam kết.

Ngoài ra, giữa các nước thành viên vẫn còn thiếu sự tin tưởng, thậm chí là hoài nghi lẫn nhau, đe dọa thành quả hội nhập của Hiệp hội. Xung đột giữa Campuchia và Thái Lan về đòi hỏi chủ quyền ngôi đền cổ Preah Vihear là ví dụ điển hình biểu hiện rõ nhất những thách thức liên quan đến các biện pháp xây dựng lòng tin trong ASEAN. Một ví dụ khác, Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN lần thứ 45 (AMM45) lần đầu tiên không ra được thông cáo chung do những bất đồng giữa Campuchia - nước đăng cai - với một số thành viên ASEAN khác về tranh chấp Biển Đông. Suy giảm lòng tin đang là vấn đề đáng quan ngại trong nội bộ ASEAN.

Trong giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống giữa các nước thành viên ASEAN đang lộ diện phức tạp. Mặc dù một số khuôn khổ hợp tác trong lĩnh vực này đã được xây dựng như Chương trình hành động ASEAN về

⁽¹⁴⁾ Guidelines for the Implementation of the DOC, <http://www.asean.org/documents/20185-DOC.pdf>.

⁽¹⁵⁾ Tran Truong Thuy, "Recent Development In The South China Sea: From Declaration To Code Of Conduct", Hội thảo quốc tế về Biển Đông năm 2010.

chống sản xuất, buôn bán và sử dụng trái phép các loại ma túy (2009-2015) hay Diễn đàn tư vấn đánh bắt cá ASEAN... nhưng trên thực tế, việc thực hiện nhiều kế hoạch đang gặp nhiều vướng mắc. Có thể kể ra Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự ASEAN (2004) chưa có hiệu lực do Thái Lan vẫn chưa phê chuẩn; Hiệp định ASEAN về chống khủng bố (ACCT) đã không thể có hiệu lực vào năm 2009 như đề ra trong Kế hoạch chi tiết APSC do chưa đủ 6 nước phê chuẩn (Việt Nam là nước thứ 5 phê chuẩn vào tháng 1 năm 2011).

Nỗ lực thiết lập các kênh hợp tác với bên ngoài để biến ASEAN trở thành cơ chế hợp tác có vai trò trung tâm thông qua các cơ chế như ARF, EAS hay ADMM+ đang gặp những khó khăn nhất định. Trên thực tế, vai trò trung tâm mà ASEAN đang cố gắng xây dựng mới chỉ ở mức là vai trò động lực trong các cơ chế hợp tác khu vực. Theo Đại sứ lưu động Singapore Tommy Koh thì “ASEAN đang lái chiếc xe buýt khu vực không phải vì ASEAN có vai trò lớn nhất hay thành thạo nhất mà bởi vì nó phù hợp nhất trong bối cảnh thiếu lòng tin giữa Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ và Mỹ”⁽¹⁶⁾.

Về kinh tế, có tám khó khăn mà ASEAN phải giải quyết:

Thứ nhất, chênh lệch phát triển giữa các thành viên. Trong khi Singapore là nước có thu nhập bình quân đầu người cao vào hàng các nước công nghiệp phát triển thì Lào thuộc các nước có thu nhập thấp. GDP tính theo đầu người năm 2003 của ASEAN Singapore cao gấp gần 4 lần chỉ số này của Lào và gấp hơn 4 chỉ số này của Myanmar. Tương tự, thu nhập bình quân đầu người năm 2009 của Malaysia là 7.030 USD, Thái Lan là 3.893 USD, cao vượt trội so với Việt Nam (1.113 USD), Campuchia (706 USD)...

Về cấu trúc nền kinh tế, trong khi ASEAN-6 có cơ cấu công nghiệp và dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn, nông nghiệp chỉ chiếm 16% GDP thì tỷ trọng nông nghiệp của Myanmar, Lào và Campuchia lên đến 50%. Đó là căn nguyên của hàng loạt vấn đề như bất đối xứng trong quá trình thực hiện cam kết liên kết kinh tế, cản trở những quyết sách hội nhập khu vực, quản lý kinh tế vĩ mô khó khăn có thể dẫn đến bất ổn. Các nước CLMV vẫn thiếu năng lực thể chế để có thể theo kịp tốc độ liên kết kinh tế của các thành viên cũ là ASEAN-6. Tình trạng chênh lệch về phát triển tác động bất lợi tới hợp tác xây dựng chính sách chung về thương mại, đầu tư, đặc biệt về tài chính và tiền tệ. Liên kết kinh tế khu vực là yêu cầu cấp bách không chỉ khẳng định khối đoàn kết ASEAN mà còn là cách tốt nhất để thu hẹp khoảng cách phát triển nội khối. Tuy nhiên, những quyết định kinh tế trong nhiều trường hợp tùy thuộc vào nỗ lực chính trị rất khác nhau vốn được quy định bởi lợi ích quốc gia và chủ quyền dân tộc của các thành viên.

Thứ hai, tầm quan trọng lớn hơn của thương mại đầu tư ngoài khối so với nội khối. Thực tiễn ở ASEAN cho thấy thương mại và đầu tư nội khối đóng vai trò khiêm tốn hơn thương mại và đầu tư với các đối tác bên ngoài. Số liệu năm 2010 do Ban Thư ký ASEAN công bố cho thấy, chỉ tính riêng tỷ trọng tổng giá trị thương mại với 4 đối tác hàng đầu đã là 40,7% so với 25% thương mại nội khối. Dù ASEAN không thể giải quyết các vấn đề của mình nếu thiếu vắng sự tham gia của các đối tác lớn, nhưng tỷ trọng thương mại nội khối thay đổi không nhiều trong hơn 10 năm qua (22-25%) chứng tỏ mức độ liên thông của các nền kinh tế thành viên với nhau còn rất hạn chế. Thu hút đầu tư và thúc đẩy thương mại quốc tế với đối tác bên ngoài bảo đảm tăng trưởng cho ASEAN, nhưng mặt trái của nó là hiệp hội dễ bị tổn thương bởi những vấn đề bên ngoài hơn là bên trong. Sự phụ thuộc vào bên ngoài dễ dẫn

⁽¹⁶⁾ Tommy Koh, “The Evolving Security Architecture in the Asia-Pacific”, Delhi Dialogue IV, New Delhi, February 13-14, 2012.

đến chênh hướng hội nhập, các nguồn lực khó được huy động tập trung để giải quyết đòi hỏi từ bên trong ASEAN. Nội lực của ASEAN với một hay hai nền kinh tế đầu tàu chưa được xác lập, ASEAN phát triển nhờ ngoại lực nhưng cũng chính ngoại lực hiện đang làm cho quá trình hội nhập nội khối gặp trở ngại. Tính hai mặt trong quá trình phát triển đòi hỏi ý chí chính trị quyết liệt của các lãnh đạo quốc gia nếu muốn biến ASEAN thành cộng đồng thống nhất và vững mạnh thực chất.

Thứ ba, tính toán lợi ích quốc gia khác nhau của các nước thành viên ASEAN gây khó khăn cho tiến trình hội nhập. ASEAN ngay từ khi thành lập đã đặt nguyên tắc đoàn kết nội khối như nền tảng cho sự tồn tại và phát triển trong suốt chiều dài lịch sử của tổ chức. Tuy nhiên, sau hơn 40 năm, cùng với xu hướng thúc đẩy lợi ích chung thông qua hội nhập, những tính toán lợi ích quốc gia riêng biệt của mỗi nước thành viên có thể gây cản trở trong những quyết định chung. AEC nhằm đến thị trường hàng hóa và dịch vụ trong phạm vi khu vực với chu chuyển dễ dàng của dòng vốn và lao động có tay nghề. Tuy nhiên, mỗi thành viên đều có những lựa chọn chiến lược không giống nhau xuất phát từ lợi ích quốc gia. Khi những cam kết nội khối không phù hợp lợi ích quốc gia, dù chỉ là tạm thời, sự phá vỡ cam kết rất có thể xảy ra. Do ASEAN không phải là liên minh thuế quan, thiếu sự đồng nhất các chuẩn mực và thủ tục nên khi các nền kinh tế mạnh hơn trong khối hưởng lợi từ các FTA (đặc biệt với Trung Quốc) thì các nền kinh tế yếu hơn khó cạnh tranh với dòng hàng giá rẻ tự do chảy vào khu vực. Dù với tiềm năng không nhỏ⁽¹⁷⁾, nhưng sự thiếu vắng thể chế đủ mạnh để thực hiện và giám sát các quy định thương mại và đầu tư, bộ máy hành chính quan liêu, mục tiêu quốc gia luôn đặt trên mục tiêu hội nhập khu vực...

⁽¹⁷⁾ Thị trường với 600 triệu dân, tổng GDP trên 1.600USD/năm, là khu vực kinh tế lớn thứ 3 châu Á sau Trung Quốc và Nhật Bản, chiếm 6% tổng thương mại quốc tế toàn cầu.

khiến cho hội nhập kinh tế ASEAN còn nhiều gian nan trước khi đến đích.

Thứ tư, tình trạng chia cắt thị phần khó khắc phục. Điều dễ nhận thấy là nội dung các FTA giữa ASEAN với các đối tác thương mại ngoài khối đan xen vào nội dung của AEC. Một mặt, mở rộng liên kết kinh tế khu vực thông qua FTA với các đối tác mang lại nhiều cơ hội cho ASEAN. Nhưng mặt khác, trong quá trình thực hiện, động cơ thương mại khác nhau làm chênh hướng thương mại, thị phần ASEAN bị chia nhỏ cho mỗi đối tác, nguồn lực (tài lực, nhân lực, vật lực) ưu tiên dành cho AEC bị phân tán. AEC có thể không thực hiện được mục tiêu xây dựng thị trường hàng hóa thống nhất, thay vào đó là sự chia cắt mà những lợi ích từ tạo lập thương mại chưa thể bù đắp.

Hiệp định thương mại tự do ASEAN-Trung Quốc (ACFTA) là một trong những ví dụ. Với việc xóa bỏ gần như hoàn toàn thuế quan đối với 7.000 hàng hóa và dịch vụ, tương đương với 90% giao dịch giữa Trung Quốc và ASEAN, sản phẩm giá rẻ của Trung Quốc đang thách thức sản xuất và kinh doanh trong ASEAN. Đầu tháng 1/2012, Indonesia đã đi tiên phong đề nghị các nước ASEAN hoãn thực hiện cắt giảm thuế với 228 mặt hàng trong khuôn khổ của FTA với Trung Quốc. Cơ sở của việc trì hoãn này bắt nguồn từ lo ngại rằng hàng hóa nhập khẩu giá rẻ từ Trung Quốc có thể sẽ đe dọa ngành sản xuất nội địa. Mỗi đe dọa này có thể nhằm vào sản phẩm thuộc các lĩnh vực ưu tiên của AEC như dệt may, sắt thép, thực phẩm... Indonesia đã thành lập một nhóm điều tra với sự tham gia của đại diện các doanh nghiệp nhằm xem xét những tác động tiêu cực của ACFTA có thể có ảnh hưởng tới nền kinh tế nước này.

Các quy định ưu đãi trong mỗi FTA chồng chéo lên nhau, thậm chí lên cả những cam kết nội khối không chỉ gây tình trạng khó kiểm soát hệ thống quy định mà còn làm nảy sinh những

khó khăn về mặt kỹ thuật (ví dụ: phân đoạn cắt giảm thuế không tương thích, hay việc thực hiện các quy định khác nhau về nguồn gốc xuất xứ trong các FTA riêng rẽ). Do đó, liên kết kinh tế rất dễ bị thương tổn khi xảy ra mâu thuẫn lợi ích giữa quốc gia với quốc gia hoặc lợi ích quốc gia với khu vực. Các đối tác trong các FTA có thể cạnh tranh gây ảnh hưởng với ASEAN bằng nhiều biện pháp khiến việc hiện thực hóa các mục tiêu của AEC không dễ dàng. Ví dụ, Trung Quốc đã dành 10 tỷ USD để cải thiện hệ thống đường bộ, đường sắt, đường hàng không và thông tin liên lạc giữa ASEAN và Trung Quốc. Đồng thời, nước này cũng dành khoản tín dụng 15 tỷ USD cho thúc đẩy các hoạt động hội nhập và liên kết khu vực mà quyền cầm trịch thuộc về Trung Quốc. Điều này có thể đảm bảo triển vọng việc thu hút vốn đầu tư từ Trung Quốc vào ASEAN là rất lớn, song nó sẽ gây chia cắt thị phần đầu tư bên trong của các nước thành viên. FDI nội khối đã giảm tỷ trọng trong những năm gần đây (20,1% năm 2008, 13,8% năm 2009, 16,1% năm 2010)⁽¹⁸⁾.

Thứ năm, “vấn đề Trung Quốc” của ASEAN. Trong 20 năm từ 1991-2011, thương mại 2 chiều ASEAN - Trung Quốc tăng gấp gần 30 lần, từ 7,9 tỷ USD năm 1991 lên 230 tỷ USD năm 2010. Kể từ khi ACFTA có hiệu lực, sức cạnh tranh của hàng hóa giá rẻ từ Trung Quốc đã và đang thách thức các doanh nghiệp ASEAN. Cho đến những năm 2010-2012, Trung Quốc đã trở thành nước viện trợ lớn nhất cho Campuchia, là đối tác chiến lược với Thái Lan, Singapore, nhà đầu tư chiến lược trong lĩnh vực khai khoáng và hạ tầng cơ sở của Indonesia⁽¹⁹⁾, nhà đầu tư trực tiếp hàng đầu ở Myanmar... ACFTA đang được Trung Quốc

tận dụng tối đa để can dự vào các nền kinh tế thành viên ASEAN, làm khuynh đảo hoạt động thương mại và đầu tư, đẩy cán cân thương mại nghiêng về phía bất lợi cho ASEAN với mức thâm hụt lớn đối với các thành viên chậm phát triển. Nhu cầu nguyên nhiên liệu của Trung Quốc có thể “cuốn” nhóm nước này vào nhóm nước xuất khẩu nguyên liệu thô và làm chệch hướng công nghiệp hóa. Mối lo ngại về ASEAN bị phân hóa về cán cân thương mại đang hiện hữu⁽²⁰⁾. Hơn thế, Trung Quốc sử dụng một cách khôn khéo lợi ích kinh tế để hoặc mặc cả hoặc hăm dọa với dụng ý lôi kéo hoặc tẩy chay thành viên theo hướng có lợi cho họ, đoàn kết nội bộ ASEAN có thể bị tổn thương.

Nhìn chung, khi thị trường Trung Quốc trở thành yếu tố không thể thay thế cho ASEAN nói chung và từng nước ASEAN nói riêng, quyền cầm trịch thuộc về Trung Quốc là điều đáng lo ngại. Trung Quốc đang dùng lợi ích kinh tế cũng như đòi hỏi về chính trị và chủ quyền để đưa ASEAN vào tầm kiểm soát. Năm 2011, tổng giá trị thương mại 2 chiều lên gần 300 tỷ, dự kiến lên 500 tỷ vào năm 2013, khi đó, quan hệ 2 bên sẽ còn phức tạp hơn nữa. Ở một góc độ nhất định, chúng tôi cho rằng, tự do hóa thương mại khu vực diễn ra trong điều kiện can dự quá mạnh của đối tác quá lớn như Trung Quốc có thể gây bất lợi cho mục tiêu của AEC. Rất tiếc là quan hệ thương mại Trung Quốc với các thành viên ASEAN kém phát triển mang màu sắc của quan hệ “Bắc - Nam”. Thực tế này không dễ giải quyết.

Thứ sáu, chủ nghĩa bảo hộ có xu hướng mạnh hơn đang gây ra không ít trở ngại cho việc hiện thực hóa AEC. Cuộc khủng hoảng tài

⁽¹⁸⁾ ASEAN FDI Statistic Database.

⁽¹⁹⁾ Tháng 4/2011, Trung Quốc dành khoản tín dụng 8 tỷ USD cho Indonesia phát triển hạ tầng cơ sở - một trong ba điểm yếu đang cản trở tăng trưởng kinh tế của quốc gia đảo dừa (hạ tầng lạc hậu, tham nhũng tràn lan và quản trị công thiếu hiệu quả).

⁽²⁰⁾ Phạm Sĩ Thành và Nguyễn Thị Thu Quỳnh, “Đánh giá chất lượng khu vực thương mại tự do ASEAN-Trung Quốc”, Hội thảo quốc tế “Sự phát triển của hiệp định thương mại tự do trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế toàn cầu: Quan điểm của EU và ASEAN”, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, tháng 3/2013.

chính tiền tệ toàn cầu và suy thoái kinh tế thế giới 2008-2009 đang tác động đến xu hướng tự do hóa kinh tế và nhiều nước đã dọn đường cho sự trở lại của chủ nghĩa bảo hộ trong cả thương mại và đầu tư quốc tế. Khu vực đầu tư ASEAN (AIA) được thiết kế để thuận lợi hóa môi trường đầu tư, thúc đẩy dòng vốn chu chuyển trong khối. Tuy nhiên, những năm gần đây, áp lực bảo hộ khiến một số nước thành viên đưa nhiều ngành lợi thế của mình vào danh mục nhạy cảm (SL), hoặc vào danh mục loại trừ tạm thời (TEL) và danh mục loại trừ chung (GEL). Tại cuộc hội thảo xúc tiến đầu tư ASEAN của các bộ trưởng tài chính thành viên tổ chức ở Jakarta, Indonesia tháng 11/2011, Tổng thư ký ASEAN Surin Pitsuwan đã nhấn mạnh tầm quan trọng của tăng cường hợp tác đầu tư và thương mại, đặc biệt trong xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng, thúc đẩy vai trò đầu tư của khu vực tư nhân, theo đuổi hội nhập tài chính để ASEAN đảm bảo tăng trưởng ổn định hướng đến AEC và AC năm 2015. Chủ nghĩa bảo hộ với nhiều hình thức phi quan thuế cũng có thể được sử dụng như công cụ trả đũa các vấn đề liên quan đến chủ quyền quốc gia⁽²¹⁾. Tại Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) ở Bali, Indonesia tháng 10/2013, Tổng thống Indonesia Susilo Bambang Yudhoyono và Thủ tướng Singapore Lý Hiển Long đã nhấn mạnh đến khuynh hướng gia tăng bảo hộ và thúc giục các nước ASEAN cùng các đối tác lớn phải điều chỉnh nhằm rộng đường cho thương mại tự do cũng như phục hồi kinh tế vững chắc.

Thứ bảy, hợp tác về tài chính và tiền tệ của ASEAN chưa tương thích với hợp tác thương mại và đầu tư. Trong điều kiện chênh lệch phát

triển và khác biệt về thể chế chính trị, một ngân hàng trung ương, một đồng tiền chung ở ASEAN là chuyện không tưởng. Bởi vậy, các cơ chế hợp tác tài chính tiền tệ trong ASEAN đã được đề xuất: Quỹ tiền tệ châu Á (AMF), Quỹ trái phiếu châu Á (ABF), Sáng kiến Phát triển thị trường trái phiếu châu Á (ABMI) thông qua: i/ Tài trợ bằng trái phiếu cho các dự án cơ sở hạ tầng tại các nước ASEAN+3, ii/ Cơ chế bảo lãnh tín dụng và đầu, iii/ Đề xuất nghiên cứu về hài hòa hóa các tiêu chuẩn trái phiếu trong khu vực ASEAN+3. Cho đến nay, tuy đã thống nhất sơ bộ về một số điểm như nêu ở trên nhưng các nước thành viên vẫn nêu nhiều ý kiến khác nhau liên quan đến quy mô quỹ, hình thức đóng góp, mục đích hoạt động, cơ cấu quản trị, chính sách hoạt động. Những vấn đề này bàn thảo tốn nhiều thời gian khiến cho tiến độ hội nhập tài chính chậm lại.

ASEAN đặt ra kế hoạch phát triển thị trường vốn, tự do hóa dịch vụ tài chính, hợp tác trong lĩnh vực bảo hiểm, hải quan cũng như lĩnh vực ngân hàng. Tuy nhiên, quá trình đàm phán tự do hóa dịch vụ tài chính vướng mắc quá nhiều chính sách mà các hội nghị bộ trưởng tài chính không ra được các quyết sách. Ngoại thương là động lực của các nền kinh tế ASEAN, việc thanh toán bằng các đồng ngoại tệ ngoài ASEAN đòi hỏi sự hợp tác về tỷ giá, nhưng việc này hầu như không thể thực hiện được. Tóm lại, hợp tác tài chính chưa theo kịp nhu cầu tự do hóa thương mại và đầu tư.

Sau cùng, năng lực thực hiện cam kết thấp do bản chất lỏng lẻo và mang tính tập hợp lực lượng của ASEAN. Khác với EU, thành viên ASEAN không chịu sự “ràng buộc” trước các cam kết. Nguyên tắc đồng thuận, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau và tự nguyện (Phương thức ASEAN - ASEAN Way) chính là điểm mấu chốt khiến hiện thực hóa những cam kết nội khối dễ bị bỏ qua hoặc thực hiện nửa vời. Các cơ chế Hội nghị ngoại trưởng, Hội nghị Bộ trưởng kinh tế, Hội nghị

⁽²¹⁾ Sự việc Trung Quốc tranh chấp lãnh hải của Philippin ở bãi cạn Scarborough với việc Trung Quốc không thông quan cho lô hàng xuất khẩu chuối từ Philippin (nhằm gây thiệt hại kinh tế cho Philippin) tháng 5/2012 là bằng chứng của chính trị đời sống kinh tế. Thương mại và đầu tư là kinh tế nhưng thực chất là chính trị.

Bộ trưởng Tài chính mang tính tham vấn, thảo luận, bàn bạc các sáng kiến hơn là ra quyết định chính sách, các bộ trưởng trong cơ chế này không thực quyền, họ gặp nhau để kiểm điểm công việc và nhắc nhở thực hiện các cam kết, “hồ hào” nhiều hơn thực hiện. Công thức ASEAN-X cho phép thực hiện cơ chế “linh hoạt” trên tinh thần không bắt buộc phải thực hiện “cam kết” khi chưa sẵn sàng⁽²²⁾. Tổng thư ký ASEAN và Ban thư ký chưa được thực quyền, các chính phủ thành viên ASEAN không chấp nhận quyền điều hành tập trung. Vì thế, rất nhiều nội dung hội nhập khó có triển vọng, AEC không phải là ngoại lệ.

ASCC cũng đang phải đối mặt với những khó khăn trong nâng cao chất lượng giáo dục, khả năng sáng tạo và ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại, nỗ lực giảm đói nghèo, đảm bảo sự bền vững của môi trường, xây dựng bản sắc ASEAN và thu hẹp khoảng cách phát triển. Phần lớn các nước thành viên ASEAN đang gặp khó khăn lớn trong các nỗ lực “tăng cường và ưu tiên cho giáo dục”, ngân sách dành cho giáo dục thấp, ngoại trừ một số nước có nền giáo dục tiên tiến như Singapore, Thái Lan và Malaysia. Theo Ngân hàng thế giới, đầu tư cho giáo dục của nhóm các nước thu nhập thấp chiếm 3,76% GDP năm 2008 trong khi mức trung bình của ASEAN là 2,85%⁽²³⁾. Bên cạnh giáo dục, việc áp dụng khoa học và công nghệ đang gặp nhiều khó khăn, trước hết là khả năng làm chủ và sáng tạo công nghệ còn hạn chế. Các sản phẩm

công nghệ cao trong tổng xuất khẩu đạt 30% đối với Singapore, Philippines và Malaysia năm 2008, trong khi con số này của Indonesia và Việt Nam là nhỏ hơn 6% và ba nước Campuchia, Lào và Myanmar chưa đến 1%⁽²⁴⁾. Về khả năng làm chủ công nghệ, trong 10 năm qua, số người được cấp bằng sáng chế/một triệu dân của các nước ở khu vực rất thấp. Ngoại trừ Singapore đạt con số là 140 người thì Việt Nam và Indonesia chỉ là 1 người và ở mức gần như không có Brunei, Campuchia, Lào và Myanmar. Mức tài chính có được từ nhận bằng sáng chế và phí cấp phép hàng năm cho mỗi người dân ở Singapore là 26,60 USD, Malaysia đứng thứ hai khu vực với 1,67 USD, trong khi trung bình mỗi người dân ở 8 nước ASEAN còn lại chỉ nhận được mức chưa đến 1 USD hoặc 0 USD⁽²⁵⁾.

Tình trạng đói nghèo cũng là một trở ngại đối với việc hiện thực hóa ASCC. Theo số liệu thống kê của Ngân hàng thế giới những năm gần đây, ngoài hai nước duy nhất của ASEAN không còn tình trạng đói nghèo là Singapore và Brunei, Malaysia và Thái Lan là hai nước có tỷ lệ dân số đói nghèo thấp (dưới 5% nếu tính theo mức mới) thì các nước thành viên ASEAN còn lại có tỷ lệ đói nghèo ở mức cao, đặc biệt khi áp dụng mức dưới 2 USD/người/ngày. Theo đó, tỷ lệ đói nghèo ở Philippines là 41,5%, Việt Nam là 43,4%, Indonesia là 46,1% và đặc biệt, các nước có tỷ lệ trên 50% dân số gồm Campuchia (53,3%) và Lào (66%)⁽²⁶⁾.

⁽²²⁾ Dự án kết nối thị trường chứng khoán vào cuối năm 2011 đã được ký kết giữa 6 quốc gia, trong đó có Việt Nam, nhằm thúc đẩy trao đổi thương mại điện tử xuyên biên giới, nhưng trên thực tế chỉ có Singapore và Malaysia thực hiện thỏa thuận này. Phần hơn thiệt không tùy thuộc vào hội nhập mà tùy thuộc vào quyết tâm chính trị của lãnh đạo và khả năng tương thích của các thành viên.

⁽²³⁾ Tính toán từ số liệu của Ngân hàng Thế giới tại http://api.worldbank.org/datafiles/SE.XPD.TOTL.GD.ZS_Indicator_MetaData_en_EXCEL.xls. Số liệu của Campuchia là vào năm 2007, Brunei là năm 2010 và Myanmar là năm 2001.

⁽²⁴⁾ Ravichandran Moorthy, Guido Benny, “Attitude towards Community Building in Association of Southeast Asian Nations: A Public Opinion Survey”, *American Journal of Applied Sciences* 9 (4), 2012, pp. 560-561.

⁽²⁵⁾ Tài liệu đã dẫn, tr.561.

⁽²⁶⁾ World Bank, “Poverty headcount ratio at \$1.25 a day (PPP) % of population”, <http://data.worldbank.org/indicator/SI.POV.DDAY/countries>; “Poverty headcount ratio at \$2 a day (PPP) % of population”, <http://data.worldbank.org/indicator/SI.POV.2DAY>.

Ngoài ra, những thách thức liên quan đến môi trường ở các nước ASEAN như tỷ lệ bao phủ của rừng giảm sút (do bị chặt phá, đốt hoặc cháy), sự gia tăng về dân số, sự tăng lên nhanh chóng của dân cư thành thị, việc sử dụng thuốc trừ sâu và bảo vệ thực vật tràn lan ở một số nước thành viên cùng việc sử dụng công nghệ lạc hậu (trong ngành công nghiệp) phổ biến ở nhiều nước thành viên ASEAN đang là những thách thức lớn đối với nỗ lực “đảm bảo sự bền vững của môi trường” như đã được vạch ra trong Kế hoạch chi tiết ASCC.

3. Nhận xét

Có thể thấy rõ ASEAN đã đạt được những bước tiến quan trọng trong quá trình hội nhập khu vực về cả kinh tế lẫn chính trị, văn hóa - xã hội.

Trong bối cảnh đích đến của AC đang ngày càng gần lại, cam kết hội nhập vẫn còn nhiều điểm chưa được hiện thực hóa, tình hình an ninh khu vực diễn biến khá phức tạp do sự can dự tranh giành ảnh hưởng của nhiều cường quốc..., sẽ rất khó khăn để biến AC thành hiện thực. Theo quan sát của chúng tôi, chừng nào các lãnh đạo ASEAN đồng lòng gánh vác những trọng trách nặng nề: (i) hài hòa lợi ích quốc gia và khu vực trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; (ii) chia sẻ giá trị nhân văn phổ quát để thuận lợi hóa các hoạt động kinh tế và bảo vệ quyền lợi của các công dân ASEAN; (iii) củng cố niềm tin nội khối để xây dựng đoàn kết và chia sẻ động lực vì “Một Tầm nhìn - Một Bản sắc - Một Cộng đồng ASEAN”, chừng đó AC mới có thể phát

huy thuận lợi, vượt qua trở ngại, vươn đến thành công như mong đợi.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Hồng Sơn (2008), “Cộng đồng kinh tế ASEAN: Nội dung, các biện pháp thực hiện và những vấn đề đặt ra”, Hội thảo tổ chức tại Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.
- [2] Nguyễn Xuân Thắng (2006), *Chặng lịch phát triển và an ninh kinh tế ASEAN*, NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [3] Association of Southeast Asian Nations, “Roadmap for An ASEAN Community 2009-2015”, Jakarta: ASEAN Secretariat, April 2009.
- [4] Baldwin, R. E. (2006), “Multilateralising Regionalism: Spaghetti Bowls as Building Blocks on the Path to Global Free Trade”, *The World Economy*, Vol. 29, No. 11, November 2006.
- [5] Cuyvers, L., Tummers, R. (2007), “The road to an ASEAN Community: How far still to go?”, *CAS Discussion Paper*, No. 57, December 2007.
- [6] Koh, Tommy (2012), “The Evolving Security Architecture in the Asia-Pacific”, *Delhi Dialogue IV*, New Delhi, February 13-14.
- [7] Moorthy, Ravichandran và Benny, Guido (2012), “Attitude towards Community Building in Association of Southeast Asian Nations: A Public Opinion Survey”, *American Journal of Applied Sciences* 9 (4).
- [8] Ravenhill, J. (2006), “Is China an Economic Threat to Southeast Asia”, *Asian Survey*, No 5, Sep/Oct 2006.
- [9] Soessastro, H. (2003), “An ASEAN Economic Community and ASEAN+3: How do they fit together?”, *Pacific Economic Paper of Australian National University*, No. 338, 2003.
- [10] Sudhir Devare, *India & Southeast Asia: Towards Security Convergence*, ISEAS, Singapore, 2006.
- [11] Tran Truong Thuy, “Recent Development in the South China Sea: From Declaration To Code Of Conduct”, Hội thảo quốc tế về Biển Đông năm 2010.

Realization of the ASEAN Community in 2015 Advantages and Obstacles

Hoàng Thị Thanh Nhân, Võ Xuân Vinh

*Vietnam Academy of Social Sciences,
No 1, Liễu Giai Str., Ba Đình Dist., Hanoi, Vietnam*

Abstract: In 2003 in Bali, Indonesia, the leaders of ASEAN Member States agreed that the ASEAN Community (AC) would be built in 2020, comprising three pillars: the ASEAN Political-Security Community (APSC), the ASEAN Economic Security (AEC), and the ASEAN Social-Cultural Community (ASCC). Having acknowledged the importance of liberalization in development, however, the leaders of the Association decided at the 12th ASEAN Summit in 2007 that the AC would be realized in 2015. Advantages of the AC's building process come from an increasing common voice in sensitive political and security issues such as the East Sea disputes, democracy or human rights, as well as support from big powers and international institutions. On the economic front, notable achievements resulting from regional and international integration are important foundations for the realization of the AC. However, the process of AC building is facing numerous challenges, including a decrease in confidence caused by different national interests of some of the Association's members, the economic development gap among them, low quality and uneven education, and the prevalence of poverty, along with heavy dependency on major powers in many fields, especially economics and political-security.

Keywords: ASEAN Community, regional integration, Southeast Asia.